TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 39 **Tại phòng: 411**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900001	9A3	Bùi Ngọc An	12/10/2004					
2	900002	9A2	Lê Khánh An	22/10/2004					
3	900003	9A3	Ngô Phương An	24/07/2004					
4	900004	9A4	Nguyễn Hải An	13/03/2004					
5	900005	9A3	Chu Quang Anh	25/09/2004					
6	900006	9A2	Đặng Nguyễn Hồng Anh	03/01/2004					
7	900007	9A1	Hoàng Anh Ngọc Anh	28/12/2004					
8	900008	9A3	Hoàng Lê Minh Anh	16/04/2004					
9	900009	9A6	Hoàng Ngọc Diệu Anh	10/04/2004					
10	900010	9A4	Mai Thái Anh	29/11/2004					
11	900011	9A1	Nguyễn Đức Nhật Anh	09/12/2004					
12	900012	9A4	Nguyễn Hải Anh	14/08/2004					
13	900013	9A3	Nguyễn Mai Anh	08/05/2004					
14	900014	9A2	Nguyễn Phạm Châu Anh	29/11/2004					
15	900015	9A6	Nguyễn Quốc Anh	20/04/2004					
16	900016	9A3	Nguyễn Thạch Trang Anh	26/09/2004					
17	900017	9A4	Nguyễn Trang Anh	19/02/2004					
18	900018	9A3	Nguyễn Tuấn Anh	03/08/2004					
19	900019	9A3	Nguyễn Văn Ngọc Anh	15/05/2004					
20	900020	9A4	Phạm Cẩm Anh	04/07/2004					
21	900021	9A1	Phạm Mai Thùy Anh	06/06/2004					
22	900022	9A1	Phạm Quang Anh	29/08/2004					
23	900023	9A5	Trần Đức Anh	12/04/2004					
24	900024	9A1	Trần Ngô Vân Anh	09/09/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 40 **Tại phòng: 412**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900025	9A2	Trần Nhật Anh	20/12/2004					
2	900026	9A6	Trần Nhật Anh	06/11/2004					
3	900027	9A1	Lê Bảo Ân	25/01/2004					
4	900028	9A1	Vũ Duy Bách	06/12/2004					
5	900029	9A4	Nguyễn Thái Bảo	07/07/2004					
6	900030	9A3	Phạm Đức Bảo	09/01/2004					
7	900031	9A6	Mai Quốc Bình	16/07/2004					
8	900032	9A1	Nguyễn Thái Bình	02/01/2004					
9	900033	9A2	Trần Minh Châu	20/11/2004					
10	900034	9A4	Bùi Khánh Chi	26/12/2004					
11	900035	9A3	Nguyễn Bình Chi	19/10/2004					
12	900036	9A6	Nguyễn Hà Chi	04/06/2004					
13	900037	9A6	Nguyễn Kim Chi	15/10/2004					
14	900038	9A3	Phạm Quỳnh Chi	14/03/2004					
15	900039	9A4	Trần Thủy Chi	04/09/2004					
16	900040	9A3	Nguyễn Thành Công	08/04/2004					
17	900041	9A3	Nguyễn Tiến Cường	22/11/2004					
18	900042	9A6	Đặng Hiền Diệu	25/04/2004					
19	900043	9A4	Nguyễn Mạnh Dũng	17/10/2004					
20	900044	9A6	Lê Phúc Duy	25/06/2004					
21	900045	9A6	Nguyễn Viết Duy	24/03/2004					
22	900046	9A6	Lê Vũ Quý Dương	10/01/2004					
23	900047	9A2	Nguyễn Bạch Dương	16/12/2004					
24	900048	9A1	Nguyễn Thùy Dương	21/07/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 41 **Tại phòng: 415**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900049	9A1	Hoàng Đạt	17/01/2004					
2	900050	9A4	Bùi Hải Đăng	28/10/2004					
3	900051	9A5	Đinh Quang Đăng	21/05/2004					
4	900052	9A5	Đỗ Hải Đăng	11/03/2004					
5	900053	9A5	Nguyễn Hải Đăng	02/02/2004					
6	900054	9A6	Nguyễn Minh Đăng	03/03/2004					
7	900055	9A3	Cao Văn Đông	11/09/2004					
8	900056	9A3	Ngô Minh Đức	09/03/2004					
9	900057	9A2	Nguyễn Đỗ Minh Đức	17/09/2004					
10	900058	9A1	Nguyễn Trung Đức	26/12/2004					
11	900059	9A2	Nguyễn Hương Giang	11/10/2004					
12	900060	9A5	Vũ Hương Giang	08/11/2004					
13	900061	9A6	Hoàng Mỹ Hà	23/06/2004					
14	900062	9A4	Nguyễn Phạm Khánh Hà	19/09/2004					
15	900063	9A1	Trần Thanh Hà	20/11/2004					
16	900064	9A3	Đào Vĩnh Hải	01/07/2004					
17	900065	9A3	Lê Đức Hải	24/03/2004					
18	900066	9A5	Lưu Đỗ Đình Hải	08/12/2004					
19	900067	9A6	Nguyễn Tường Lan Hạnh	20/08/2004					
20	900068	9A2	Trần Nguyên Hạo	01/02/2004					
21	900069	9A3	Lý Thu Hằng	27/10/2003					
22	900070	9A6	Nguyễn Minh Hằng	18/10/2004					
23	900071	9A5	Hoàng Nam Hiển	01/07/2004					
24	900072	9A3	Trần Phan Hiển	17/06/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 42 **Tại phòng: 416**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900073	9A3	Hoàng Huy Hiệu	13/01/2004					
2	900074	9A1	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	18/10/2004					
3	900075	9A1	Vương Huy Hoàng	23/09/2004					
4	900076	9A5	Nguyễn Mạnh Hùng	21/10/2004					
5	900077	9A5	Trần Thế Hùng	10/04/2004					
6	900078	9A3	Đinh Quang Huy	19/09/2004					
7	900079	9A3	Đoàn Quốc Huy	23/08/2004					
8	900080	9A4	Đỗ Đức Huy	06/01/2004					
9	900081	9A6	Nguyễn Công Huy	15/12/2004					
10	900082	9A1	Nguyễn Đình Anh Huy	23/08/2004					
11	900083	9A6	Nguyễn Quang Huy	16/06/2004					
12	900084	9A6	Nguyễn Quốc Huy	08/08/2004					
13	900085	9A2	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/11/2004					
14	900086	9A5	Mạc Đình Hưng	03/12/2004					
15	900087	9A3	Phùng Mai Hương	06/01/2004					
16	900088	9A1	Trần Linh Hương	25/11/2004					
17	900089	9A1	Mạc Quang Khải	31/10/2004					
18	900090	9A4	Lê Hoàng Khang	20/04/2004					
19	900091	9A2	Nguyễn Năng Khánh	28/10/2004					
20	900092	9A6	Nguyễn Bá Khiêm	04/08/2004					
21	900093	9A4	Vũ Đinh Ngọc Khuê	29/12/2004					
22	900094	9A5	Mai Tuấn Kiên	15/11/2004					
23	900095	9A5	Lê Minh Kiệt	01/01/2004					
24	900096	9A2	Nguyễn Hoàng Lâm	19/12/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 43 **Tại phòng: 417**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900097	9A4	Nguyễn Thanh Lâm	04/11/2004					
2	900098	9A5	Nguyễn Tuệ Lâm	11/09/2004					
3	900099	9A2	Phan Phúc Lâm	15/09/2004					
4	900100	9A1	Võ Tùng Lâm	09/11/2004					
5	900101	9A2	Bùi Khánh Linh	25/03/2004					
6	900102	9A4	Bùi Lê Tùng Linh	21/04/2004					
7	900103	9A4	Đoàn Gia Linh	29/07/2004					
8	900104	9A5	Đỗ Huyền Linh	30/07/2004					
9	900105	9A1	Hoa Huyền Diệu Linh	14/10/2004					
10	900106	9A2	Hoàng Hà Linh	08/09/2004					
11	900107	9A6	Nguyễn Đình Khánh Linh	18/07/2004					
12	900108	9A4	Nguyễn Gia Linh	11/04/2004					
13	900109	9A4	Nguyễn Hà Trang Linh	23/04/2004					
14	900110	9A1	Nguyễn Mai Linh	20/03/2004					
15	900111	9A6	Nguyễn Mai Linh	19/03/2004					
16	900112	9A1	Nguyễn Nhật Linh	05/09/2004					
17	900113	9A3	Nguyễn Trần Phương Linh	09/08/2004					
18	900114	9A2	Nguyễn Tú Linh	18/03/2004					
19	900115	9A4	Phạm Khánh Linh	31/10/2004					
20	900116	9A5	Trần Khánh Linh	16/10/2004					
21	900117	9A3	Trương Phương Linh	01/09/2004					
22	900118	9A2	Vũ Khánh Linh	25/08/2004					
23	900119	9A2	Vũ Việt Ái Linh	11/12/2004					
24	900120	9A5	Đào Nguyễn Đức Long	14/05/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 44 **Tại phòng: 503**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900121	9A5	Hoàng Long	07/07/2004					
2	900122	9A6	Nguyễn Hoàng Long	02/01/2004					
3	900123	9A4	Bùi Phương Mai	04/01/2004					
4	900124	9A2	Nguyễn Hoàng Mai	23/12/2004					
5	900125	9A5	Nguyễn Thanh Mai	25/11/2004					
6	900126	9A1	Hoàng Xuân Mạnh	24/08/2004					
7	900127	9A4	Cao Nguyên Hồng Minh	30/09/2004					
8	900128	9A5	Dương Quốc Minh	10/11/2004					
9	900129	9A6	Đặng Xuân Minh	02/09/2004					
10	900130	9A5	Giáp Đức Minh	14/06/2004					
11	900131	9A5	Hoàng Trần Tuấn Minh	24/07/2004					
12	900132	9A2	Lê Quang Minh	15/09/2004					
13	900133	9A6	Lê Quang Minh	17/08/2004					
14	900134	9A6	Ngô Thị Ngọc Minh	24/11/2004					
15	900135	9A2	Nguyễn Bình Minh	24/02/2004					
16	900136	9A6	Nguyễn Đình Minh	14/05/2004					
17	900137	9A6	Nguyễn Ngọc Hiền Minh	21/01/2004					
18	900138	9A1	Nguyễn Nhật Minh	06/08/2004					
19	900139	9A5	Nguyễn Nữ Nguyệt Minh	29/10/2004					
20	900140	9A2	Nguyễn Quang Minh	06/04/2004					
21	900141	9A1	Nguyễn Văn Tuấn Minh	04/08/2004					
22	900142	9A2	Nguyễn Vũ Duy Minh	03/11/2004					
23	900143	9A6	Phạm Ngọc Minh	06/08/2004					
24	900144	9A2	Phạm Tuấn Minh	12/06/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 45 **Tại phòng: 504**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900145	9A1	Trần Quang Minh	07/08/2004					
2	900146	9A2	Nguyễn Trà My	12/08/2004					
3	900147	9A4	Lê Quốc Nam	18/10/2004					
4	900148	9A6	Nguyễn Hải Nam	18/01/2004					
5	900149	9A6	Nguyễn Thế Nam	28/01/2004					
6	900150	9A4	Phạm Văn Nam	12/05/2004					
7	900151	9A1	Trần Gia Nam	18/12/2004					
8	900152	9A5	Bùi Kim Ngân	17/12/2004					
9	900153	9A5	Vũ Hoàng Ngân	14/07/2004					
10	900154	9A2	Đỗ Thành Nghĩa	06/05/2004					
11	900155	9A6	Nguyễn Tuấn Nghĩa	06/03/2004					
12	900156	9A5	Nguyễn Văn Nghĩa	20/10/2004					
13	900157	9A4	Trần Khôi Nguyên	19/10/2004					
14	900158	9A3	Đỗ Bảo Nhi	20/08/2004					
15	900159	9A3	Lại Ngọc Nhi	15/01/2004					
16	900160	9A1	Nguyễn Phương Nhi	20/07/2004					
17	900161	9A6	Nguyễn Yến Nhi	01/09/2004					
18	900162	9A3	Nguyễn Trang Nhung	14/05/2004					
19	900163	9A4	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	16/05/2004					
20	900164	9A2	Phó An Ninh	18/05/2004					
21	900165	9A2	Lê Xuân Phong	23/06/2004					
22	900166	9A4	Nguyễn Hữu Phong	29/02/2004					
23	900167	9A4	Nguyễn Tuấn Phong	15/12/2004					
24	900168	9A5	Đào Thanh Phúc	25/03/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 46 **Tại phòng: 505**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900169	9A4	Nguyễn Gia Phúc	29/04/2004					
2	900170	9A4	Nguyễn Ngọc Phúc	14/03/2004					
3	900171	9A5	Đỗ Xuân Phương	03/11/2004					
4	900172	9A3	Hoàng Thủy Phương	11/03/2004					
5	900173	9A2	Nguyễn Mai Phương	09/12/2004					
6	900174	9A5	Phạm Hoàng Nam Phương	11/12/2004					
7	900175	9A4	Trần Nguyễn Mai Phương	02/12/2004					
8	900176	9A2	Bùi Minh Quang	29/12/2004					
9	900177	9A4	Chu Đăng Quang	28/09/2004					
10	900178	9A5	Lê Anh Quang	27/05/2004					
11	900179	9A3	Nguyễn Nhật Quang	29/08/2004					
12	900180	9A4	Đỗ Hương Quân	19/03/2004					
13	900181	9A4	Hoàng Quân	11/03/2004					
14	900182	9A2	Nguyễn Đàm Quân	15/05/2004					
15	900183	9A4	Nguyễn Hữu Quân	07/02/2004					
16	900184	9A3	Nguyễn Minh Quân	19/03/2004					
17	900185	9A5	Nguyễn Minh Quân	07/09/2004					
18	900186	9A1	Phạm Minh Quân	30/01/2004					
19	900187	9A1	Vũ Nam Quân	05/12/2004					
20	900188	9A1	Đoàn Tố Quyên	09/12/2004					
21	900189	9A2	Đặng Xuân Quỳnh	30/05/2004					
22	900190	9A5	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	07/02/2004					
23	900191	9A4	Nguyễn Linh San	28/05/2004					
24	900192	9A5	Nguyễn Tuấn Sơn	27/02/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 47 **Tại phòng: 602**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900193	9A5	Trần Nguyễn Khánh Sơn	02/01/2004					
2	900194	9A2	Nguyễn Minh Tâm	09/02/2004					
3	900195	9A6	Bùi Trọng Tấn	02/10/2004					
4	900196	9A5	Đinh Quốc Thái	20/11/2004					
5	900197	9A2	Lăng Xuân Thái	08/09/2004					
6	900198	9A4	Nguyễn Ngọc Thành	25/03/2004					
7	900199	9A5	Trần Nguyễn Nam Thành	13/08/2004					
8	900200	9A3	Vũ Phúc Thành	08/10/2004					
9	900201	9A2	Lê Thị Phương Thảo	24/08/2004					
10	900202	9A3	Nguyễn Phương Thảo	12/03/2004					
11	900203	9A1	Nguyễn Thu Thảo	16/05/2004					
12	900204	9A6	Nguyễn Vi Thảo	25/10/2004					
13	900205	9A2	Trần Phương Thảo	23/03/2004					
14	900206	9A3	Trần Phương Thảo	24/07/2004					
15	900207	9A1	Nguyễn Tiến Thắng	24/12/2004					
16	900208	9A1	Trịnh Tiểu Thiên	25/10/2004					
17	900209	9A5	Nguyễn Đình Thọ	26/06/2004					
18	900210	9A4	Dương Mai Thu	15/01/2004					
19	900211	9A6	Doãn Hồng Minh Thư	28/04/2004					
20	900212	9A5	Đỗ Khánh Thương	10/04/2004					
21	900213	9A5	Hồ Thanh Thủy Tiên	03/09/2004					
22	900214	9A1	Hoàng Trung Tiến	05/11/2004					
23	900215	9A2	Lưu Quốc Tiến	13/01/2004					
24	900216	9A4	Lê Vũ Anh Toàn	31/12/2004					
25									

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2018-2019

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II - KHỐI 9

Phòng số: 48 **Tại phòng: 603**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh	Toán	
					Số tờ	Kí tên	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	900217	9A5	Kiều Thu Trang	14/07/2004					
2	900218	9A3	Mai Minh Trang	21/08/2004					
3	900219	9A6	Nguyễn Minh Trang	10/01/2004					
4	900220	9A6	Nguyễn Quỳnh Trang	02/03/2004					
5	900221	9A5	Phạm Hà Trang	22/03/2004					
6	900222	9A1	Trần Huyền Trang	11/07/2004					
7	900223	9A6	Trần Quỳnh Trang	01/02/2004					
8	900224	9A6	Trần Anh Trọng	08/10/2004					
9	900225	9A1	Lê Vũ Trung	26/01/2004					
10	900226	9A3	Vũ Minh Tuấn	16/02/2004					
11	900227	9A1	Đặng Thanh Vân	22/08/2004					
12	900228	9A2	Dương Đình Việt	21/10/2004					
13	900229	9A1	Nguyễn Thành Vinh	24/11/2004					
14	900230	9A3	Đỗ Nguyên Vũ	11/11/2004					
15	900231	9A1	Lê Đỗ Lâm Vũ	11/10/2004					
16	900232	9A1	Trần Anh Vũ	04/08/2004					
17	900233	9A6	Đỗ Khánh Vy	12/02/2004					
18	900234	9A5	Lục Phương Hà Vy	29/09/2004					
19	900235	9A2	Lê Hải Yến	19/01/2004					
20									
21									
22									
23									
24									
25									